

**CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN TƯ VẤN  
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019**

---

*Hà Nội, tháng 03 năm 2020*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (sau đây gọi là "Công ty") được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Giao thông Công chính Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103007859 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/5/2005; thay đổi lần thứ 2 ngày 23/10/2007.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

	<b><u>Chức vụ</u></b>
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Châu	Thành viên
Ông Đỗ Đình Long	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên
Bà Trần Kim Phương	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Đặng Văn Châu	Giám đốc	
Bà Phan Thị Lan Hương	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/01/2019
Ông Đỗ Đình Long	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Đỗ Trọng Hùng	Phó Giám đốc	

### **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Văn Châu - Giám đốc.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

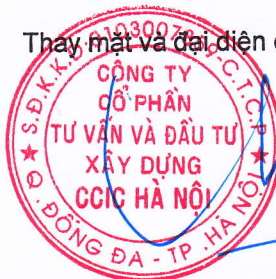
### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và TT95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



**Đặng Văn Châu**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26/03/2020, từ trang 05 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Đến ngày lập Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận liên quan đến số dư tại ngày 31/12/2019 của các khoản công nợ Phải thu Khách hàng, Người mua trả tiền trước, và Phải trả người bán với giá trị các khoản công nợ chưa nhận được thư xác nhận độc lập lần lượt là Phải thu Khách hàng: 18.865.302.180 đồng, Người mua trả tiền trước: 9.773.088.906 đồng và Phải trả người bán: 954.650.650 đồng. Bên cạnh đó, số dư một số khoản công nợ Phải thu khách hàng tồn đọng trên 02 năm với giá trị 13.359.351.572 đồng chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Các thủ tục kiểm toán thay thế khác không mang lại cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ và khả năng thu hồi của số dư các khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như ảnh hưởng nếu có của chúng tôi các chỉ tiêu có liên quan trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9, Công ty đang ghi nhận khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số dự án tồn đọng trên 02 năm với giá trị tại thời điểm 31/12/2019 là 7.720.307.202 đồng. Dựa trên thông tin hiện có, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định khả năng thu hồi cũng như khả năng tiếp tục thi công của một số công trình dở dang tồn đọng nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục nói trên hay không và ảnh hưởng cần thiết có liên quan đến Báo cáo tài chính kèm theo.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thị Phương Thảo**  
**Phó Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0933-2018-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

**Nguyễn Thị Thu Hà**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2019

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.427.160.485</b>	<b>45.809.808.369</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.732.207.959	222.540.035
Tiền	111		1.732.207.959	222.540.035
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.033.014.143	32.077.670.457
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	23.977.595.047	24.260.481.772
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		316.592.699	339.940.882
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.738.826.397	7.477.247.803
Hàng tồn kho	140	9	11.661.875.198	13.509.597.877
Hàng tồn kho	141		11.661.875.198	13.509.597.877
Tài sản ngắn hạn khác	150		63.185	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	63.185	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.377.648.726</b>	<b>2.867.517.692</b>
Tài sản cố định	220		2.169.235.690	2.287.729.186
Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.169.235.690	2.287.729.186
- Nguyên giá	222		4.929.033.375	4.929.033.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.759.797.685)	(2.641.304.189)
Tài sản dài hạn khác	260		208.413.036	579.788.506
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	208.413.036	579.788.506
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>46.804.809.211</b>	<b>48.677.326.061</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B01-DN Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>34.724.237.033</b>	<b>36.774.563.293</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.724.237.033</b>	<b>36.774.563.293</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	1.458.594.320	1.835.909.972
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	11.214.156.499	11.632.781.548
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.058.156.127	3.614.121.539
Phải trả người lao động	314		1.881.051.520	567.836.260
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	3.470.237.655	4.507.826.144
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	785.881.819	785.881.819
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	10.199.786.634	11.322.330.712
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	1.454.073.240	2.304.131.404
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		202.299.219	203.743.895
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>12.080.572.178</b>	<b>11.902.762.768</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>12.080.572.178</b>	<b>11.902.762.768</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		10.000.000.000	10.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.542.301	1.542.301
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.858.265.143	1.818.265.143
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		220.764.734	82.955.324
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421		220.764.734	82.955.324
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>46.804.809.211</b>	<b>48.677.326.061</b>


Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Thu Thủy

Giám đốc

Đặng Văn Châu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B01-DN Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	19.788.515.359	10.913.828.383
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		759.711.368	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		19.028.803.991	10.913.828.383
Giá vốn hàng bán	11	20	14.891.365.002	7.189.086.690
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.137.438.989	3.724.741.693
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.480.655	2.006.043
Chi phí tài chính	22	22	39.658.700	137.298.793
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		39.658.700	137.298.793
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	4.132.407.369	5.532.773.118
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(33.146.425)	(1.943.324.175)
Thu nhập khác	31	25	390.482.936	2.381.798.421
Chi phí khác	32	26	62.131.275	265.596.635
Lợi nhuận khác	40		328.351.661	2.116.201.786
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		295.205.236	172.877.611
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	74.440.502	89.922.287
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		220.764.734	82.955.324
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	221	40

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thu Thủy

Giám đốc



Đặng Văn Châu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01		295.205.236	172.877.611
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		118.493.496	107.868.147
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.480.655)	(2.006.043)
Chi phí lãi vay	06		119.937.467	137.298.793
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		532.155.544	416.038.508
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.044.593.129	3.155.167.651
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.847.722.679	(1.325.562.276)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(869.283.035)	(4.304.764.549)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		371.375.470	934.587.866
Tiền lãi vay đã trả	14		(119.937.467)	(137.298.793)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(89.922.287)	(89.797.762)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.900.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(55.300.000)	(44.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		2.672.304.033	(1.395.629.355)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.480.655	2.006.043
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		1.480.655	2.006.043
Tiền thu từ đi vay	33		2.828.168.260	4.098.788.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.678.226.424)	(4.856.425.680)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(314.058.600)	(37.920.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(1.164.116.764)	(795.557.680)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		1.509.667.924	(2.189.180.992)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	4	222.540.035	2.411.721.027
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	4	1.732.207.959	222.540.035


Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Thu Thủy

Giám đốc

Đặng Văn Châu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (sau đây gọi là "Công ty") được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Giao thông Công chính Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103007859 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/5/2005; thay đổi lần thứ 2 ngày 23/10/2007. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai là 10.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 21 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Ngày 22/8/2017, cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CCH mệnh giá 10.000 đồng/CP, số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch 1.000.000 cổ phiếu, và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 30/8/2017.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 51 người (tại ngày 31/12/2018 là 54 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ. Ngành nghề kinh doanh bao gồm:

- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thí nghiệm xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của đất đá nền móng các công trình xây dựng, khảo sát kinh tế-xã hội và điều tra lưu lượng giao thông;
- Lập quy hoạch các khu đô thị, khu công nghiệp và quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng;
- Lập dự án tiền khả thi, dự án khả thi và lập tổng dự toán các công trình: Kiến trúc dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cấp-thoát nước, công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, xử lý kỹ thuật môi trường, cung cấp điện dân dụng và chiếu sáng công cộng;
- Thiết kế kỹ thuật các công trình;
- Tư vấn thẩm định lập dự án và tổng mức đầu tư, thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình;
- Tư vấn thẩm định dự án như: Tư vấn giám sát kỹ thuật (tư vấn giám sát chất lượng xây dựng, tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông, giám sát thi công), tư vấn lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ địa chính và cắm mốc giải phóng mặt bằng;
- Tổ chức kinh doanh dịch vụ công cộng, dịch vụ giao thông vận tải, dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch khách sạn;
- Đầu tư xây dựng các khu đô thị, công nghiệp, du lịch, vui chơi giải trí (trừ các loại hình vui chơi, giải trí nhà nước cấm), phát triển nhà ở và kinh doanh bất động sản;
- Thực hiện tổng thầu EPC, BOT, BT các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Thi công xây dựng và thực nghiệm chuyển giao công nghệ mới các công trình: Kiến trúc dân dụng, nhà ở, giao thông, thủy lợi các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Đánh giá chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu xây dựng, đánh giá tác động môi trường, quan trắc biến dạng công trình;
- Lập quy hoạch hệ thống giao thông, các công trình văn hóa, di tích, thể thao, vui chơi giải trí;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP)**

- Lập Báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình xây dựng;
- Phân tích đánh giá lựa chọn nhà thầu, kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng và công trình xây dựng;
- Dịch vụ quảng cáo và dịch vụ vui chơi giải trí: kinh doanh điện lực;
- Thiết kế công trình xây dựng biển;
- Thiết kế công trình cảng đường thủy;
- Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;
- Thi công xây dựng và thực nghiệm chuyển giao công nghệ mới các công trình văn hóa, hạ tầng xã hội, thủy điện.

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2019 là tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

**1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Các xí nghiệp trực thuộc Công ty bao gồm:

STT	Tên xí nghiệp	Ngành nghề hoạt động chính
1	Xí nghiệp Tư vấn 1	Tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công công trình
2	Xí nghiệp Tư vấn 2	Tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công công trình
3	Xí nghiệp khảo sát thiết kế	Tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công công trình
4	Phòng Tư vấn Giám sát	Tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công công trình

**1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán, ước tính kế toán, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đảm bảo khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

**2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (TIẾP)**

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị VND, theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính 2019. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tại ngày 31/12/2019, không có khoản phải thu nào cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

**4.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31/12/2019, không có mặt hàng tồn kho nào cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại phát sinh khi Công ty thực hiện cổ phần hóa, Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 20 năm.

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

***Chi phí khác***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 03 năm.

**4.8 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về quỹ lương dự phòng, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.10 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức cho các cổ đông.

**4.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4.12 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc.

**4.13 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Chi phí hoạt động***

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

**4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật thông qua trả lời điện thoại và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất. Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28, Công ty không lập báo cáo bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	38.574.208	13.807.045
Tiền gửi ngân hàng	1.693.633.751	208.732.990
<b>Cộng</b>	<b>1.732.207.959</b>	<b>222.540.035</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công ty TNHH MTV Ha Nel	555.405.865	555.405.865
- Công ty CP Xây dựng Lắp máy Điện nước Hà Nội	1.862.143.500	1.862.143.500
- Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Nhà đô thị (HUD)	1.295.210.857	1.295.210.857
- Công ty CP Đầu tư Phát triển và KCN Sông Đà	1.521.784.091	1.747.133.598
- Ban quản lý Dự án Xây dựng Giao thông tỉnh Bắc Ninh	2.524.968.000	2.427.084.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	16.218.082.734	16.373.503.952
<b>Cộng</b>	<b>23.977.595.047</b>	<b>24.260.481.772</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC	692.236.827	606.606.756
<b>Cộng</b>	<b>692.236.827</b>	<b>606.606.756</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.738.826.397</b>	<b>-</b>	<b>7.477.247.803</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng	283.718.364	-	723.440.466	-
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.332.317	-	827.873	-
- Phải thu khác liên quan đến các công trình đang thực hiện	6.453.775.716	-	6.752.979.464	-
+ Phải thu XN Tư vấn 1	584.143.263	-	971.281.220	-
+ Phải thu XN Tư vấn 2	116.135.136	-	61.679.029	-
+ Phải thu XN Tư vấn 3	1.733.761.392	-	1.756.804.081	-
+ Phải thu XN Tư vấn giám sát	102.967.736	-	54.403.667	-
+ Phải thu XN Cầu đường	125.470.433	-	125.248.385	-
+ Phải thu XN Khảo sát Thiết kế	3.722.932.407	-	3.700.429.756	-
+ Phải thu cổ phần hóa	17.503.000	-	21.288.200	-
+ Đối tượng khác	50.862.349	-	61.845.126	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.738.826.397</b>	<b>-</b>	<b>7.477.247.803</b>	<b>-</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Lợi thế thương mại nhà 21 Huỳnh Thúc Kháng	208.413.036	248.492.480
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	44.991.182
- Cải tạo sửa chữa nhà 21 Huỳnh Thúc Kháng	-	283.445.753
- Các chi phí khác	-	2.859.091
<b>Cộng</b>	<b>208.413.036</b>	<b>579.788.506</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	11.661.875.198	-	13.509.597.877	-
<b>Cộng</b>	<b>11.661.875.198</b>	<b>-</b>	<b>13.509.597.877</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số dự án tồn đọng trên 02 năm với giá trị tại thời điểm 31/12/2019 là 7.720.307.202 đồng, chi tiết như sau:

Tên công trình	Giá trị tại 31/12/2019 (VND)
Khảo sát, lập dự án và Thiết kế cơ sở nâng cấp MR đường 70 ( đoạn từ Láng Hòa Lạc đến Nhỏn)	281.315.247
Lập dự án đầu tư điều chỉnh xây dựng công trình và thiết kế, lập dự toán giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công Dự án Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây	609.631.818
Khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng tuyến đường V.Đ2.5 qua sông Nhuệ đến đường V.Đ4	395.318.093
Tư vấn giám sát xây dựng 2 tuyến đường cấp Thành phố Khu vực Dự án Ngoại Giao đoàn tại Hà Nội. Hạng mục: Hệ thống thoát nước	275.026.197
Lập dự án đầu tư xây dựng tuyến đường số 5 vào trung tâm khu Đô thị mới Tây Hồ Tây	952.962.708
Lập dự án đầu tư tuyến đường Hoàng Quốc Việt kéo dài	224.424.133
Thiết kế thoát nước thải hạ tầng kiến thiết khu Đô thị mới Thanh Lâm - Đại Thịnh 2	380.837.246
Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư đường Quang Trung kéo dài đến bến xe Yên Nghĩa	213.817.648
Công trình khác	4.386.974.112
<b>Tổng</b>	<b>7.720.307.202</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2019	3.537.775.835	261.628.335	1.086.719.545	42.909.660	4.929.033.375
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
31/12/2019	<u>3.537.775.835</u>	<u>261.628.335</u>	<u>1.086.719.545</u>	<u>42.909.660</u>	<u>4.929.033.375</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2019	1.267.329.685	261.628.335	1.086.719.545	25.626.624	2.641.304.189
- Khấu hao trong năm	111.341.880	-	-	7.151.616	118.493.496
31/12/2019	<u>1.378.671.565</u>	<u>261.628.335</u>	<u>1.086.719.545</u>	<u>32.778.240</u>	<u>2.759.797.685</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2019	<u>2.270.446.150</u>	-	-	<u>17.283.036</u>	<u>2.287.729.186</u>
31/12/2019	<u>2.159.104.270</u>	-	-	<u>10.131.420</u>	<u>2.169.235.690</u>

Tại ngày 31/12/2019:

+ Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.159.104.270 đồng.

+ Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.348.347.880 đồng.

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải	-	-	289.296.752	289.296.752
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trường An	613.398.146	613.398.146	613.398.146	613.398.146
- Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Hà Nội (UAC)	229.183.673	229.183.673	229.183.673	229.183.673
- Công ty Phú Thái	274.759.997	274.759.997	274.759.997	274.759.997
- Các đối tượng khác	341.252.504	341.252.504	429.271.404	429.271.404
<b>Cộng</b>	<u>1.458.594.320</u>	<u>1.458.594.320</u>	<u>1.835.909.972</u>	<u>1.835.909.972</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Nhà và Đô thị	659.119.193	659.119.193
Ban quản lý các Dự án Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp	747.594.000	747.594.000
Công ty AZUSA, gói thầu Hanel	653.576.155	653.576.155
Tổng công ty Xây dựng Hà Nội	673.800.000	673.800.000
Công ty Cổ phần Địa ốc CIENCO 5	367.000.000	367.000.000
Đối tượng khác	8.113.067.151	8.531.692.200
	<b>11.214.156.499</b>	<b>11.632.781.548</b>
<b>Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	26.612.000	26.612.000
	<b>26.612.000</b>	<b>26.612.000</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.359.156.635	1.978.851.535	1.475.268.716	2.862.739.454
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.922.287	74.440.502	89.922.287	74.440.502
- Thuế thu nhập cá nhân	50.368.596	590.515.788	266.556.245	374.328.139
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	177.702.505	199.267.813	376.970.318	-
- Các loại thuế khác	936.971.516	54.331.275	244.654.759	746.648.032
<b>Cộng</b>	<b>3.614.121.539</b>	<b>2.897.406.913</b>	<b>2.453.372.325</b>	<b>4.058.156.127</b>
	01/01/2019	Số phải thu trong năm	Số đã được khấu trừ trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	367.532.931	367.532.931	-
- Thuế và các khoản phải thu khác	-	-	63.185	63.185
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>367.532.931</b>	<b>367.596.116</b>	<b>63.185</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
- Chi phí lãi vay	279.394.909	279.394.909
- Chi phí phải trả các hợp đồng khảo sát, tư vấn thiết kế	3.190.842.746	4.122.721.235
- Chi phí phải trả khác	-	105.710.000
<b>Cộng</b>	<b>3.470.237.655</b>	<b>4.507.826.144</b>

**15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện trong năm liên quan đến các công trình đã nhận tiền ứng trước của khách hàng và xuất hóa đơn, tuy nhiên chưa nghiệm thu hoàn thành.

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.199.786.634</b>	<b>11.322.330.712</b>
- Bảo hiểm xã hội	-	9.011.000
- Kinh phí công đoàn	41.836.120	-
- Phải trả cổ phần hóa	-	22.828.200
- Phải trả phải nộp khác, trong đó:	10.157.950.514	11.290.491.512
- Phải trả XN Tư vấn 1	3.508.672.750	4.478.944.086
- Phải trả XN Tư vấn 2	2.923.625.650	2.766.743.283
- Phải trả XN Tư vấn 3	1.244.224.189	1.251.235.944
- Phải trả phòng tư vấn giám sát	720.848.351	642.166.545
- Phải trả XN Khảo sát Thiết kế	1.197.744.281	1.333.347.749
- Phải trả khác	562.835.293	818.053.905
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.199.786.634</b>	<b>11.322.330.712</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI**  
Số 21, Huỳnh Thúc Kháng, P. Láng Hạ,  
Q. Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.304.131.404	2.304.131.404	2.828.168.260	3.678.226.424	1.454.073.240	1.454.073.240
- Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Chương Dương (*)	1.756.953.900	1.756.953.900	2.608.168.260	3.220.058.900	1.145.063.260	1.145.063.260
- Vay cá nhân (**)	547.177.504	547.177.504	220.000.000	458.167.524	309.009.980	309.009.980
<b>Cộng</b>	<b>2.304.131.404</b>	<b>2.304.131.404</b>	<b>2.828.168.260</b>	<b>3.678.226.424</b>	<b>1.454.073.240</b>	<b>1.454.073.240</b>

(\*) Bao gồm các hợp đồng vay:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01-2018- HĐCVHM/NHCT128-CTCP TV & ĐT XD CCIC HN ngày 30/07/2018 Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương với số tiền vay tối đa 4.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng; Mục đích vay: sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Đảm bảo tiền vay: thế chấp bằng giá trị còn lại và lợi thế thương mại của tài sản trên đất tại 21 Huỳnh Phúc Kháng - Đống Đa - Hà Nội

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01-2019- HĐCVHM/NHCT128-CTCP TV & ĐT XD CCIC HN ngày 27/08/2019 Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương với số tiền vay tối đa 5.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng; Mục đích vay: sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Đảm bảo tiền vay: thế chấp bằng giá trị còn lại và lợi thế thương mại của tài sản trên đất tại 21 Huỳnh Phúc Kháng - Đống Đa - Hà Nội

(\*\*) Các hợp đồng vay cá nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, lãi suất vay 0%, không có tài sản thế chấp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Theo giấy phép đầu tư		Tại 31/12/2019	
	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tổng số vốn đã góp (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC - Công ty	3.000.000.000	30%	3.000.000.000	30%
Các cổ đông khác	7.000.000.000	70%	7.000.000.000	70%
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tại ngày 31/12/2019, các cổ đông đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>01/01/2018</b>	10.000.000.000	1.542.301	1.803.265.143	12.399.806.679					
- Lãi trong năm	-	-	-	82.955.324	82.955.324				82.955.324
- Chia cổ tức năm 2017	-	-	15.000.000	(515.000.000)	(500.000.000)				(500.000.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(79.999.235)	(79.999.235)				(79.999.235)
<b>31/12/2018</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.542.301</b>	<b>1.818.265.143</b>	<b>82.955.324</b>	<b>11.902.762.768</b>				
<b>01/01/2019</b>	10.000.000.000	1.542.301	1.818.265.143	82.955.324	11.902.762.768				
- Lãi trong năm	-	-	-	220.764.734	220.764.734				220.764.734
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ năm 2018 (*)	-	-	40.000.000	(40.000.000)	-				-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ năm 2018 (*)	-	-	-	(42.955.324)	(42.955.324)				(42.955.324)
<b>31/12/2019</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.542.301</b>	<b>1.858.265.143</b>	<b>220.764.734</b>	<b>12.080.572.178</b>				

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 ngày 25/04/2019, Công ty thực hiện trích lập các quỹ như sau:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 40.000.000 đồng
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 42.955.324 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(500.000.000)

**18.4 Cổ phiếu**

	31/12/2019 CP	01/01/2019 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế và dịch vụ khác	19.788.515.359	10.913.828.383
<b>Cộng</b>	<b>19.788.515.359</b>	<b>10.913.828.383</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế và dịch vụ khác	14.891.365.002	7.189.086.690
<b>Cộng</b>	<b>14.891.365.002</b>	<b>7.189.086.690</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.480.655	2.006.043
<b>Cộng</b>	<b>1.480.655</b>	<b>2.006.043</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	39.658.700	137.298.793
<b>Cộng</b>	<b>39.658.700</b>	<b>137.298.793</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.180.681	110.597.857
Chi phí nhân viên quản lý	2.642.765.715	3.358.394.068
Chi phí công cụ, dụng cụ	64.169.863	134.152.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.165.898	107.868.147
Thuế, phí, lệ phí	167.063.473	132.107.873
Lợi thế thương mại	27.556.074	25.954.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	673.398.840	431.378.152
Chi phí khác	375.106.825	1.232.320.640
<b>Cộng</b>	<b>4.132.407.369</b>	<b>5.532.773.118</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.575.336.775	1.066.089.960
Chi phí nhân viên	11.033.075.448	8.224.970.100
Chi phí công cụ, dụng cụ	64.169.863	134.152.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	118.493.496	107.868.147
Thuế, phí, lệ phí	167.063.473	132.107.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.070.820.359	3.051.816.293
Chi phí khác	1.147.090.278	1.258.274.963
<b>Cộng</b>	<b>17.176.049.692</b>	<b>13.975.279.394</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền chậm nộp tiền thuê đất	25.565.593	-
Xử lý công nợ phải trả	364.917.343	2.381.798.421
<b>Cộng</b>	<b>390.482.936</b>	<b>2.381.798.421</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản phạt thuế	62.131.275	169.508.187
Xử lý công nợ không thu được	-	96.088.448
<b>Cộng</b>	<b>62.131.275</b>	<b>265.596.635</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận trước thuế	295.205.236	172.877.611
Điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế	76.997.275	276.733.826
- Thù lao của Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	14.866.000	7.464.000
- Các khoản thuế bị phạt, truy thu	62.131.275	173.181.378
- Chi phí không được trừ khác	-	96.088.448
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>372.202.511</b>	<b>449.611.437</b>
Thuế suất hiện hành	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>74.440.502</b>	<b>89.922.287</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thu nhập chịu thuế	220.764.734	82.955.324
Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	42.955.324
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và trích quỹ	220.764.734	40.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>221</b>	<b>40</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)**

Năm 2019, Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018, theo đó chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán lại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 là 40 VND/CP, số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 là 83 VND/CP.

**29. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**29.1 Các bên liên quan**

**Bên liên quan**

- Tổng Công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Cổ đồng  
Công ty TNHH MTV

**Mối quan hệ**

**29.2 Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Doanh thu từ các bên liên quan</b>	<b>3.206.363.636</b>	<b>1.997.602.727</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	3.206.363.636	1.997.602.727

**Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Lương và Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>	<b>647.209.000</b>	<b>1.426.342.000</b>

**30. THÔNG TIN KHÁC**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Phụ trách kế toán

**Nguyễn Thị Thu Thủy**



Giám đốc

**Đặng Văn Châu**